

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *07*/2018/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày *12* tháng *7* năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định
trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức,
đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 138 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại: cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; Văn phòng huyện ủy, thị ủy các huyện, thị xã là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và phương tiện giao thông vận tải khác; máy móc, thiết bị;

d) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

đ) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Hình thành tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm:

a) Nguồn hình thành tài sản công tại cơ quan nhà nước:

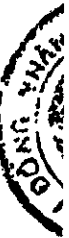
- Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao;

- Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn hình thành tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

- Tài sản công bằng hiện vật do Nhà nước giao theo quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước;

- Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật;



- Tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn hình thành tài sản công tại các tổ chức chính trị - xã hội: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, thuê tài sản, khoán kinh phí từ ngân sách nhà nước;

d) Nguồn hình thành tài sản công tại các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và doanh nghiệp: Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được Nhà nước giao hoặc hình thành từ ngân sách nhà nước;

đ) Nguồn hình thành tài sản công tại các dự án sử dụng vốn nhà nước: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao hoặc được đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê từ nguồn kinh phí được phép sử dụng để phục vụ hoạt động của từng dự án.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân: Đối với tài sản công hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.
4. Văn phòng huyện ủy, thị ủy các huyện, thị xã trực thuộc tỉnh là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi là Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện): Đối với tài sản công hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.
5. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
6. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao bằng hiện vật hoặc đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Mục 1

MUA SẮM, THUÊ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh:

- Quyết định mua sắm tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với các tài sản thuộc danh mục phải áp dụng mua sắm tập trung cấp tỉnh theo quy định tại Chương VI Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Quyết định mua sắm tài sản là quyền sử dụng đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

- Quyết định mua sắm xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

- Quyết định mua sắm các loại tài sản công có nguyên giá từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

- Quyết định mua sắm các loại tài sản công đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị từ 01(một) tỷ đồng trở lên;

- Phê duyệt chủ trương, giao thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm các loại tài sản công đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên đến dưới 01(một) tỷ đồng.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này):

- Mua sắm các loại tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 500 (năm trăm) triệu đồng đến dưới 01(một) tỷ đồng theo chủ trương mua sắm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Mua sắm các loại tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 500 (năm trăm) triệu đồng;

- Mua sắm các loại tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ trên 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: các phòng, ban cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã):

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao, quyết định mua sắm các loại tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị không quá 100



(một trăm) triệu đồng (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh đối với thời hạn thuê từ trên 01 tháng trở lên hoặc đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) từ trên 100 (một trăm) triệu đồng trở lên;

- Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện, cấp xã đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) từ trên 100 (một trăm) triệu đồng trở lên.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 100 (một trăm) triệu đồng của các đơn vị thuộc địa phương quản lý, trong phạm vi nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định:

Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ đối với thời hạn thuê không quá 01 tháng hoặc đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 100 (một trăm) triệu đồng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Việc thuê tài sản là xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác đối với thời hạn thuê từ trên 01 tháng trở lên hoặc đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) từ trên 100 (một trăm) triệu đồng trở lên;

- Việc thuê tài sản đối với giá thuê cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) từ trên 100 (một trăm) triệu đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

- Việc thuê tài sản là xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác đối với thời hạn thuê không quá 01 tháng hoặc đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 100 (một trăm) triệu đồng;

- Việc thuê tài sản đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 100 (một trăm) triệu đồng của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này).

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Việc thuê tài sản là xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác đối với thời hạn thuê không quá 01 tháng hoặc đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 50 (năm mươi) triệu đồng;

- Trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, quyết định việc thuê tài sản đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 50 (năm mươi) triệu đồng của cơ quan, đơn vị mình quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản này).

Mục 2

XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định thu hồi theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tài sản công là quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

- Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

- Các loại tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và các tài sản thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng;

- Các loại tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

- Các loại tài sản công do ngân sách tỉnh đầu tư mua sắm hoặc cấp bằng hiện vật ngoài dự toán ngân sách được giao hàng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã.

b) Trường hợp phát hiện tài sản công do cơ quan nhà nước thuộc trung ương quản lý trên địa bàn địa phương bị sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cho thuê hoặc thực hiện các hoạt động khác không đúng quy định mà phải thu hồi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thu hồi theo thẩm quyền quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã (trừ các tài sản đã quy định tại khoản 1 Điều này) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương:

Quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản đã quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan.

4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản công được quy định như sau:

a) Sở Tài chính tổ chức thực hiện thu hồi tài sản công theo Quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức thực hiện thu hồi tài sản công theo Quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành cấp tỉnh tổ chức thực hiện thu hồi tài sản công theo Quyết định thu hồi của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Việc điều chuyển tài sản công chỉ được thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương được phân cấp như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định điều chuyển:

- Quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

- Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

- Các loại tài sản công có nguyên giá từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và các tài sản công thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng;

- Tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, trực thuộc tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện, giữa các xã, phường, thị trấn (trừ các tài sản đã quy định tại điểm a khoản này) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương:

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này) theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định bán tài sản công sau đây của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và các tài sản công thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định bán tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với các tài sản có nguyên giá từ 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định bán tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã đối với các tài sản có nguyên giá từ 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định bán tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Quyết định bán tài sản công của cơ quan, đơn vị mình quản lý đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Quyết định thanh lý nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này);

b) Phê duyệt chủ trương, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công quy định tại điểm a khoản 3 Điều này);

c) Quyết định thanh lý xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này);

d) Quyết định thanh lý các loại tài sản công có nguyên giá từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và các tài sản công thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giám đốc Sở Tài chính, theo đề nghị của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương, quyết định thanh lý:

a) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với các tài sản có nguyên giá từ 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền định tại khoản 1 Điều này);

b) Xe mô tô, xe gắn máy có nguyên giá dưới 50 (năm mươi) triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác trên đất thuộc địa bàn huyện phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có giá trị vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ sau khi đánh giá lại dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (theo chủ trương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại điểm b khoản 1 Điều này);

b) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã đối với các tài sản có nguyên giá từ 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định thanh lý tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Quyết định thanh lý tài sản công của cơ quan, đơn vị mình quản lý đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản công sau đây của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và các tài sản công thuộc đối tượng phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng;

d) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện đối với các tài sản có nguyên giá từ 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã đối với các tài sản có nguyên giá dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Quyết định tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý đối với các tài sản có nguyên giá dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Mục 1

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, THUÊ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 10. Mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Mục I Chương II Quy định này;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị;

c) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 11. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập:

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Mục I Chương II Quy định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Mục II Chương II Quy định này.

Điều 13. Điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Mục II Chương II Quy định này.

Điều 14. Bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 7 Mục II Chương II Quy định này.

2. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

Điều 15. Thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 8 Mục II Chương II Quy định này.

2. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý.

Điều 16. Tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Mục II Chương II Quy định này.

2. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Chương IV

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 17. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương II Quy định này. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương III Quy định này.

Điều 18. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội:

Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được áp dụng quy định có liên quan tại Chương II Quy định này.

Chương V

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Điều 19. Quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lực lượng vũ trang nhân dân:

Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lực lượng vũ trang nhân dân không được quy định tại các Điều từ 58 đến 65 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ được áp dụng quy định có liên quan tại Chương II, Chương III Quy định này.

Chương VI

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản phục vụ công tác chung của Ban Quản lý dự án được thực hiện theo quy định áp dụng với đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp Ban Quản lý dự án hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; theo quy định áp dụng với cơ quan nhà nước trong trường hợp Ban Quản lý dự án hoạt động theo mô hình khác.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm, thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản để phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017, quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định hoặc thực hiện theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Chương II Quy định này;

b) Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án khác cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định việc mua sắm, thuê tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án.

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban Quản lý dự án quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại hoặc thực hiện theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Chương II Quy định này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định theo Nghị quyết này; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Quy định này để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý; ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, bảo đảm phân định rõ quyền, nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; sử dụng, khai thác tài sản công và xử lý tài sản công theo đúng quy định.

3. Ngoài các quy định cụ thể tại Quy định này, việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan./.



Trần Tuệ Hiền